Chiến Lược Thúc Đẩy Phát Triển Kinh Tế Xã Hội Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long Trong Giai Đoạn Hiện Nay

Bùi Duy Hoàng
TTNCKT Miền Nam

1. Khái quát về vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL)

a. Tự nhiên

Đồng Bằng Sông Cửu Long là một trong những đồng bằng lớn, phì nhiêu nhất Đông Nam Á và thế giới, là vùng sản xuất, xuất khẩu lương thực, vùng cây ăn trái nhiệt đới lớn nhất Việt Nam. ĐBSCL cũng là vùng đất quan trọng đối với Nam Bộ và cả nước trong phát triển kinh tế, hợp tác đầu tư và giao thương với các nước trong khu vực và thế giới.

ĐBSCL có vị trí địa lý kinh tế như một bán đảo với 3 mặt Đông, Nam và Tây Nam giáp biển (có đường bờ biển dài 700km), phía Tây có đường biên giới giáp với Campuchia và phía Bắc giáp với vùng kinh tế Đông Nam Bộ - vùng kinh tế lớn nhất của Việt Nam hiện nay.

ĐBSCL có Diện tích tự nhiên toàn vùng là 39.747 km^2; (theo tổng cục thống thống kê năm 2012, diện tích đất sản xuất nông nghiệp chiếm 64,12%, đất lâm nghiệp là 7,51%, đất ở 6,34%, đất chuyên dùng 3,03%); 13 đơn vị hành chính bao gồm: 1 thành phố trực thuộc trung ương (Thành phố Cần Thơ) và 12 tỉnh (Long An, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau).

Nguồn nước dồi dào, tổng trữ lượng tiềm năng nước của vùng Đồng bằng sông Cửu Long trên 84 triệu m^3/ngày. Hiện nay, tổng lượng nước đang khai thác sử dụng là 854 ngàn m^3/ngày, trong đó lượng nước ngầm chiếm hơn 12% (106 ngàn m^3/ngày đêm). Ở nông thôn, theo thống kê chưa đầy đủ, hiện đang có hơn 500.000 giếng các loại với tổng lưu lượng khai thác 300.000 m^3/ngày.

Tài nguyên thủy sản lớn, tổng sản lượng thủy sản năm 2012 là 3289,344 ngàn tấn với tổng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt 727,2 ngàn ha. ([1])

Dầu khí: Phân bố trong thềm lục địa tiếp giáp Biển Đông và Vịnh Thái Lan thuộc các bể trầm tích như: Bể trầm tích Cửu Long; Bể trầm tích Nam Côn Sơn và

[1] Nguồn: Tổng cục thống kê, niên giám thống kê cả nước năm 2012

Bể trầm tích Thổ Chu - Mã Lai thuộc vịnh Thái Lan. Trong đó bể trầm tích Nam Côn Sơn có tiềm năng lớn nhất trong các bể trầm tích chứa dầu của Việt Nam, khoảng 3 tỷ tấn dầu quy đổi.

Đá vôi: Sản lượng có khả năng khai thác công nghiệp khoảng 246 triệu tấn, hiện khai thác khoảng 2 triệu tấn/năm. *Đá Andezit, granit* trữ lượng khai thác hàng năm khoảng 1 triệu m^3, *Sét, gạch ngói t*rong toàn vùng có khoảng 30 - 40 triệu m^3, khai thác hàng năm khoảng trên dưới một triệu m^3. *Cát sỏi* được khai thác khoảng 9 - 10 triệu m^3. Hiện nay lượng khai thác tới gần 1 triệu m^3/năm.([2])

- *Tiềm năng du lịch sinh thái:*

Tràm chim Đồng Tháp có diện tích tới 7.000 ha, vùng sông nước Cà Mau với 150 ngàn ha rừng, trong đó rừng ngập mặn chiếm 85 ngàn ha. Cà Mau có 19 sân chim. Khu sinh thái Vàm Hồ, cống đập Ba Lai thuộc tỉnh Bến Tre, khu sinh thái Trường Long Hoà thuộc tỉnh Trà Vinh, ..thuộc vùng sinh thái ngập mặn hiện vẫn còn ở dạng tiềm năng mà chưa được đầu tư khai thác phục vụ cho mục đích du lịch.

Về du lịch biển, nổi tiếng nhất có đảo Phú Quốc (Kiên Giang) với nhiều bãi biển đẹp, có thể phát triển thành khu du lịch mang tầm cỡ khu vực và quốc tế.

- *Các di tích văn hoá - lịch sử:*

Đồng bằng sông Cửu Long có một nền văn hóa cổ Phù Nam đang tồn tại dưới dạng di chỉ khảo cổ thuộc hệ thống Óc Eo như Óc Eo, Gò Tháp, Lưu Cừ, Thành Mới... Những di tích lịch sử như hệ thống chùa Khơme ở Trà Vinh, Sóc Trăng, thánh đường Islam của người Chăm ở An Giang, hệ thống chùa Bà, chùa Ông của người Hoa ở các đô thị sầm uất... Ngoài ra, trong vùng có nhiều danh thắng nổi tiếng như Chùa Bà ở núi Sam, Lăng Thoại Ngọc Hầu (An Giang), đền thờ Nguyễn Trung Trực (Kiên Giang), Lăng mộ cụ Nguyễn Sinh Sắc (Đồng Tháp), Khu tưởng niệm nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu (Bến Tre), Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh (Trà Vinh).

- *Tiềm năng du lịch làng nghề:* Cơ sở kẹo dừa Bến Tre, lò gốm Cái Bè là nơi thu hút đông đảo du khách tham quan dây chuyền sản xuất, thưởng thức tại chỗ và mua về. Ngoài ra trong vùng còn có những làng nghề độc đáo gắn liền với nét văn hoá, điều kiện tự nhiên của vùng sông nước này có thể khai thác, phát triển thành các làng nghề thủ công truyền thống phục vụ khách tham quan như: rượu đế Gò Đen (Long An), Phú Lễ, hoa kiểng Cái Mơn (Bến Tre), Xuân Thạnh (Trà Vinh); dược phẩm ở Trại Rắn Đồng Tâm (Tiền Giang); làng gốm đỏ, nhãn khô Vĩnh

[2] Nguồn: QHTTKT-XH vùng ĐBSCL đến 2020

Long; bánh phồng tôm Sa Đéc, nem Lại Vung, làng hoa Tân Qui Đông, làng chiếu Định Yên (Đồng Tháp); cá ba sa Châu Đốc, đường thốt nốt Tịnh Biên (An Giang), bánh Pía (Sóc Trăng) cùng các làng nghề mỹ nghệ làm từ các vật liệu đặc trưng từ gỗ dừa, xơ dừa, lục bình, tre nứa...

b. Dân số và đời sống-kinh tế

Năm 2012, dân số của vùng Đồng bằng sông Cửu Long có khoảng 17.390,5 ngàn người, chiếm 19,59% dân số cả nước. Mật độ dân số trung bình của vùng đạt 429 người/km^2 (gấp 1,6 lần mật độ dân số trung bình của cả nước).

Bảng 2: Một số chỉ tiêu về hiện trạng dân số, lao động

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2012	Tốc độ tăng trưởng (%)	
						2001-2005	2006-2010
1. Dân số	1000 người	16.344,7	17.256,0	17.272,2	17390,5	1,09	0,02
Mật độ dân số	1000 ng/km^2	411	434	426	429		
Tỷ lệ tăng tự nhiên	%	1,41	1,27	1,15	0,89		
2. Dân số thành thị	1000 người	2.875,9	3.606,0	4000,3	4329,1	4,63	2,11
Tỷ lệ đô thị hóa	%	17,6	20,9	23,2	24,9		
3. Dân số nông thôn	1000 người	13.468,8	13.650,0	13.271,9	13.061,4	0,27	-0,56

Nguồn: Niên giám thống kê cả nước, 2010, 2012

Trên địa bàn các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long có sự hiện diện của 31 dân tộc, trong đó người Kinh chiếm chủ yếu, khoảng 92,5% tổng dân số, dân tộc có số lượng đứng thứ hai trong vùng là người Khơme, chiếm khoảng 6,3% và người Hoa chiếm khoảng 1,2%, còn lại là các dân tộc ít người khác. Đồng bào Khơme tập trung chủ yếu ở một số tỉnh như Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang...

Lực lượng lao động toàn vùng năm 2012 là 10.408,2 ngàn người, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2001-2005 là 3,05%/năm, giai đoạn 2006-2010 là 1,01%/năm.

Tỷ lệ hộ nghèo năm 2012 là 10,6% (tương đương tỷ lệ hộ nghèo bình quân của cả nước 11,1%)([3]), Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm ở khu vực thành thị của vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã giảm dần từ 6,15% năm 2000 xuống còn 4,87% năm 2005 và 4,08% năm 2010, năm 2012 là 3,02%. Tỷ lệ thiếu việc làm tại khu vực nông thôn của vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2012 là 5,07%, cao nhất so với các vùng trong cả nước, hơn mức bình quân chung của cả nước là 1,55 lần. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi là 15,2%.

Kinh tế toàn vùng tăng trưởng ổn định, giá trị GDP theo giá so sánh 1994

[3] Nguồn: Tổng cục Thống kê, niên giám thống kê cả nước năm 2012

năm 2000 là 48.550 tỷ đồng, năm 2010 là 101.124 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong vùng bình quân đạt 7,7%/năm giai đoạn 2001-2005 và 7,5%/năm giai đoạn 2006-2010.

Biểu Đồ 1: Giá Trị GDP Của Vùng Theo Ba Khu Vực

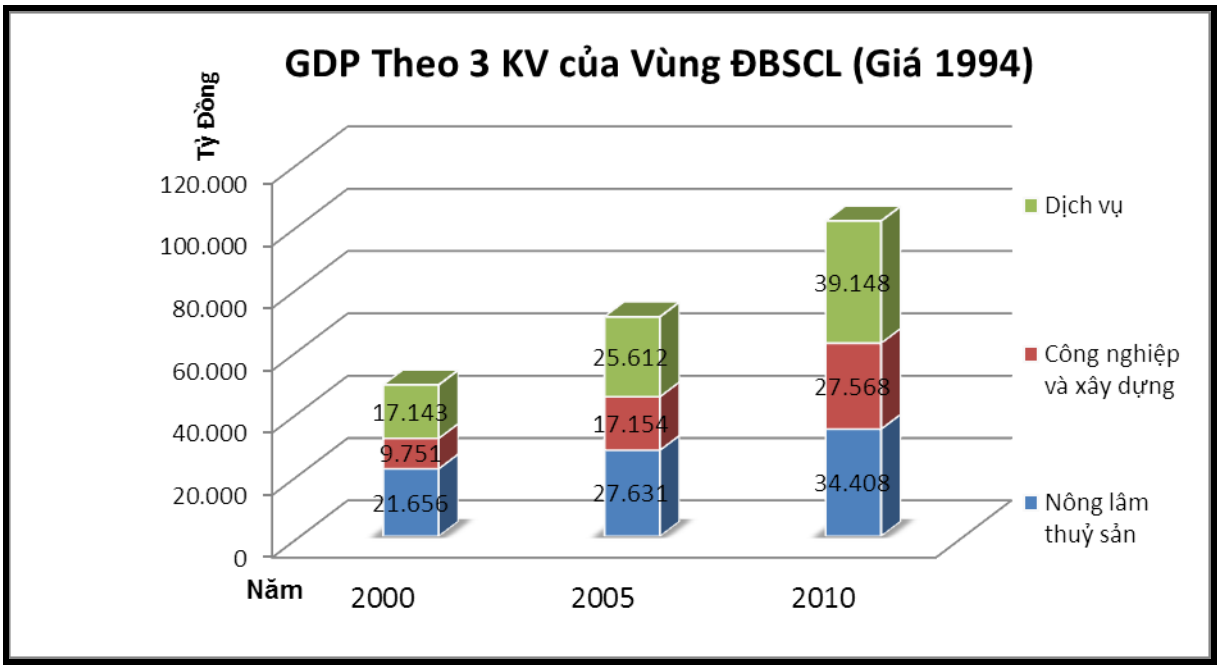

Nguồn: Tổng cục thống kê, niên giám thống kê cả nước năm 2000, 2005, 2010

Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo diễn biến tăng dần khu vực mậu dịc và công nghiệp. Khu vực nông lâm ngư nghiệp giảm dần.

Biểu Đồ 2: Cơ Cấu Kinh Tế Vùng ĐBSCL Qua Các năm 2000, 2005, 2010

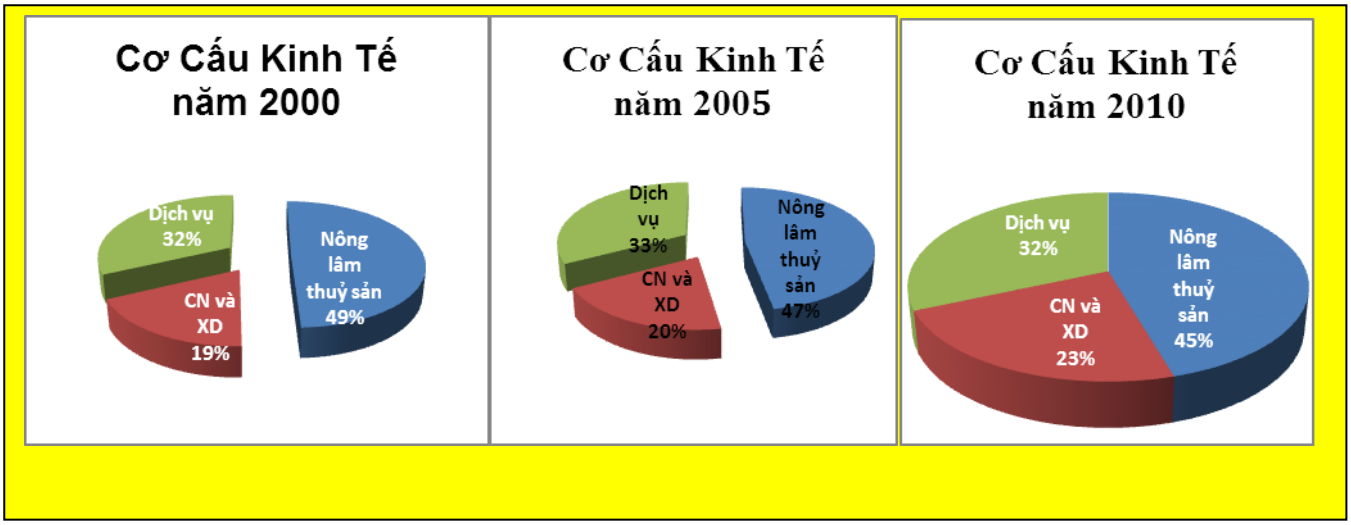

Nguồn: Tổng cục thống kê, niên giám thống kê cả nước năm 2000, 2005, 2010

3. Nhận xét

Mặc dù tốc độ kinh tế bình quân của vùng đạt trên 7% mỗi năm, cơ cấu kinh tế chuyển dịch rõ nét từ khu vực nông lâm ngư nghiệp sang khu vực thương mại dịch vụ. Tuy nhiên, kinh tế của ĐBSCL phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, tỷ lệ thất nghiệp và thất nghiệp mùa vụ vẫn ở mức cao, cao nhất so với các vùng trong cả nước. Trình độ lao động vẫn thấp, GDP bình quần đầu người/tháng (1.785.000đ/người/tháng), thấp hơn so với GDP bình quân đầu người của nước, bằng 0,55% so với vùng Đông nam bộ (3.241.000đ/người/tháng) và cũng thấp hơn so với vùng đồng bằng sông Hồng (2.304.000đ/người/tháng).([4])

Nhằm tạo bước đột phá có tính chiến lược để đáp ứng hoàn thành các mục tiêu theo quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội vùng ĐBSCL đến năm 2020 cần xác định mục tiêu mũi nhọn, nghiên cứu "phát triển một anh trước để rước đẩy cả chục em sau" trên cơ sở phân tích ma trận SWOT của từng tỉnh để xác định tỉnh ưu tiên. Xây dựng các cơ chế chính sách đặc thù thúc đẩy khả năng đầu tư nhanh, mạnh nhằm vượt lên hẳn để trở thành tỉnh có sức hút, tạo đà lôi kéo các tỉnh còn lại theo hướng đầu tư theo mục tiêu, tránh dàn trải, xắp xếp ưu tiên để đạt hiệu quả kinh tế xã hội tối ưu.

Dựa vào tiềm lực hiện có như sản lượng lúa, sản lượng thủy sản, giá trị công nghiệp, giá trị xuất nhập khẩu, GDP/người, dân số và đặc thù lợi thế về vị trí địa lý có thể đánh giá vị thế các tỉnh thành của vùng ĐBSCL như sau:

Bảng 1: Xếp Hạng Nguồn Lực Theo 7 Tiêu Chí (Năm 2012)

Xếp hạng([5])	Lúa	Thủy Sản	Công Nghiệp	Xuất -Nhập Khẩu	GDP BQ/người	Dân Số (lao động)	Đặc Thù Địa Lý Kinh tế
1	Kiên Giang	Kiên Giang	Cần Thơ	Long An	Kiên Giang	An Giang	Kiên Giang
2	An Giang	Đồng Tháp	Long An	Cần Thơ	An Giang	Kiên Giang	An Giang
3	Đồng Tháp	Bến Tre	Kiên Giang	Đồng Tháp	Cần Thơ	Tiền Giang	
4	Long An	Cà Mau	Tiền Giang	Tiền Giang	Long An	Đồng Tháp	
5	Sóc Trăng	An Giang	Cà Mau	Cà Mau	Bến Tre	Long An	
6	Tiền Giang	Bạc Liêu	Đồng Tháp	An Giang	Vĩnh Long	Sóc Trăng	
7	Cần Thơ	Tiền Giang	An Giang	Vĩnh Long	Tiền Giang	Bến Tre	
8	Trà Vinh	Cần Thơ	Bạc Liêu	Kiên Giang	Bạc Liêu	Cần Thơ	
9	Hậu Giang	Sóc Trăng	Bến Tre	Bến Tre	Cà Mau	Cà Mau	
10	Vĩnh Long	Trà Vinh	Sóc Trăng	Sóc Trăng	Đồng Tháp	Vĩnh Long	
11	Bạc Liêu	Vĩnh Long	Vĩnh Long	Trà Vinh	Sóc Trăng	Trà Vinh	
12	Cà Mau	Hậu Giang	Hậu Giang	Bạc Liêu	Trà Vinh	Bạc Liêu	
13	Bến Tre	Long An	Trà Vinh	Hậu Giang	Hậu Giang	Hậu Giang	

Nguồn: Phân tích dựa theo số liệu niên giám thống kê cả nước năm 2012

[4] Nguồn: Tổng cục Thống kê, niên giám thống kê cả nước năm 2012
[5] Xếp hạng theo thứ tự từ tốt nhất (1) đến kém nhất (13)

Qua bảng phân tích ma trận ở trên và áp dụng phương pháp đếm tần suất cho thấy tỉnh Kiên Giang có nhiều lợi thế nhất, nếu lấy 5 tỉnh lợi thế nhất theo thứ tự ưu tiên thì đứng đầu là Kiên Giang, kế đến là An Giang và Long An, Đồng Tháp sau đó đến Cần Thơ, Tiền Giang, tiếp theo là Cà Mau, Bến Tre. Các tỉnh còn lại có vị thế rất thấp so với các tỉnh nêu trên.

4. Kiến nghị giải pháp chiến lược

(1) Ưu tiên tiếp tục lựa chọn nghiên cứu cơ chế đặc thù cho Phú Quốc và Kiên Giang

Nghiên cứu xây dựng Phú Quốc thành đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt trực thuộc Trung ương, có những cơ chế, chính sách vượt trội hiện nay và có khả năng thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài với quy mô lớn.

Nghiên cứu cơ chế chính sách kích hoạt hiệu quả hơn nữa cho vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, trong đó Kiên Giang là một cực tăng trưởng mạnh, với lợi thế về khai thác thủy sản, lúa, công nghiệp và dân số đông.

(2) Ưu tiên nghiên cứu cơ chế chính sách cho vùng kinh tế Trọng Điểm vùng ĐBSCL

Trên cơ sở, "Đề án thành lập vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 16 tháng 4 năm 2009. Cần tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ chế phù hợp, tạo điều kiện để đầu tư và thúc đẩy tích cực bốn tỉnh thành (Tp. Cần Thơ, Cà Mau, An Giang, Kiên Giang) đi trước một bước tạo thành các cực tăng trưởng đầu tàu cho kinh tế của cả vùng phát triển. Các tỉnh thành phố này là tiên phong trong áp dụng công nghệ cao, tiến bộ sinh học ... để ứng dụng và lan tỏa cho cả vùng ĐBSCL phát triển. Không đầu tư đồng đều dàn trải vì khả năng tiếp cận và ứng dụng của những địa phương khác có nhiều hạn chế hơn so với vùng kinh tế trọng điểm, không thể phát huy được tối ưu trong hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững.

(3) Ưu tiên nghiên cứu hình thành, đầu tư dải đô thị - khu kinh tế ven biển

Phát triển các khu kinh tế ven biển như: khu kinh tế Định An (Trà Vinh), khu kinh tế Năm Căn (Cà Mau) ...cần có chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư và xây dựng hoàn thiện đáp ứng cho đô thị phát triển và là nền tảng vững vàng cho chiến lược kinh tế biển.

(4) Rà soát đánh giá hiệu quả sử dụng đất công nghiệp và điều chỉnh kiểm soát ô nhiễm công nghiệp

Toàn vùng hiện có 65 khu công nghiệp được quy hoạch với diện tích 26.511ha, trong đó có 52 khu đang hoạt động với diện tích 16.594 ha, thu hút 574 dự án đầu tư (có 140 dự án đầu tư nước ngoài) với tổng vốn đầu tư 2,795 tỉ USD. Hiện có 32 cụm đã đi vào hoạt động với tổng diện tích 3.816 ha, tổng vốn đầu tư 46.373 tỉ đồng, thu hút 109 dự án trong đó có 3 dự án có vốn đầu tư nước ngoài, tạo việc làm cho 52.400 lao động. Theo quy hoạch toàn vùng đến năm 2020, có 211 cụm, tuyến công nghiệp với tổng diện tích là 21.298ha.([6])

Đặc biệt, vấn đề ô nhiễm môi trường đối với ĐBSCL là rất đáng quan ngại vì phần lớn các khu, cụm công nghiệp ở ĐBSCL chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải nên nguy cơ gây ô nhiễm nghiêm trọng là điều không tránh khỏi trong hiện tại và tương lai. Bình quân mỗi năm các khu, cụm công nghiệp ở ĐBSCL thải ra trên 6.000 tấn chất thải rắn, gần 250.000 tấn chất thải rắn công nghiệp, 3.800 tấn rác thải y tế và 102 triệu m3 nước thải sinh hoạt... Còn đối với các làng nghề truyền thống như đã nêu trên, hầu hết các làng nghề đều mang tính tự phát nên chưa có hướng phát triển cụ thể và bài bản. Tỷ lệ hơn 80% làng nghề không đủ vốn đầu tư đổi mới kỹ thuật đặc biệt trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì nghề thủ công truyền thống đòi hỏi phải cạnh tranh nguồn lao động với hoạt động sản xuất công nghiệp... ([7])

Qua đây cho thấy vấn đề rà soát, kiểm soát ô nhiễm là vô cùng quan trọng trong tiến trình mở rộng đầu tư cũng như xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển bền vững trong tương lai./.

---

[6] Công Trí, Để công nghiệp nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long cất cánh - http://www.tiengiang.gov.vn/xemtin.asp?idcha=9662&cap=3&id=11022

[7] Công Trí, Để công nghiệp nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long cất cánh - http://www.tiengiang.gov.vn/xemtin.asp?idcha=9662&cap=3&id=11022